

Bản án số: 74/2025/HS-ST
Ngày 30-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Võ Lâm Sơn;
bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Văn Q, sinh ngày 12/7/2002; nơi sinh: xã L, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang;

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Đông và bà Lê Thị Ngọc Lệ (đã chết); chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 09/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 12/6/2021 và đã được xóa án tích; bị tạm giam từ ngày 02/8/2025 đến nay, có mặt.

Các bị hại:

- Bà Nguyễn Thị A, sinh ngày 25/10/1983; nơi cư trú: tổ 15, ấp M, xã L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Trương Tấn L, sinh ngày 09/02/1992; nơi cư trú: số 9, tổ 09, ấp M, xã L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Lê Văn K A1, sinh ngày 12/9/1980; nơi cư trú: ấp A, xã H, tỉnh An Giang; nơi ở hiện tại: tổ 07, ấp M, xã L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Lê Văn M, sinh ngày 09/8/1988; nơi cư trú: số 473, tổ 06, ấp M, xã L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Anh Võ Duy K, sinh ngày 25/6/2001; nơi cư trú: ấp M, xã L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông NLQ1, sinh ngày 01/01/1960; nơi cư trú: tổ 07, ấp M, xã L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Bà NLQ2, sinh năm 1976; nơi cư trú: khóm 1, xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông NLQ3, sinh ngày 01/01/1981; nơi cư trú: tổ 01, xã S, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở hiện tại: số 36/3, tỉnh lộ X, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Những người làm chứng: ông NLC1, sinh ngày 02/3/1983; ông NLC2, sinh ngày 30/11/1986; ông NLC3, sinh ngày 21/11/1979; ông NLC4, sinh năm 1963; ông NLC5, sinh ngày 01/01/1966; anh NLC6, sinh ngày 08/10/2007; anh NLC7, sinh ngày 16/4/2010; anh NLC8, sinh ngày 25/8/2008 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 27/7/2025, tại tổ 15, ấp M, xã L, Q đi bộ thấy trên xe mô tô, biển số 67L2-377.53 của bà Nguyễn Thị A đang dựng trong nhà, còn ghim sẵn chìa khóa nên Q đi vào lấy trộm chiếc xe, bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, Q mang xe mô tô bán cho ông NLQ3 là chủ cửa hàng “Hoàng Minh mô tô” tại phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, với giá 9.000.000 đồng, lấy tiền tiêu xài hết.

Khoảng 01 giờ ngày 31/7/2025, tại tổ 09, ấp M, xã L, Q đi bộ vào nhà ông Trương Tấn L, thấy trên bàn ở gian nhà sau có 01 điện thoại di động hiệu Samsung A50 màu đen và điện thoại di động Samsung A50s màu đen của ông L, Q lấy trộm 02 chiếc điện thoại bỏ vào túi vải màu đen mang theo trên người, rồi đi ra khỏi nhà. Kế tiếp, khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, Q đi bộ, đứng ở cửa sổ nhà ông NLQ1, nhìn vào thấy trên giường ngủ cặp cửa sổ ở gian nhà trước có điện thoại Samsung A20 màu xanh của ông Lê Văn K, Q đưa tay qua cửa sổ lấy trộm điện thoại bỏ vào túi quần rồi bỏ đi. Tiếp tục, khoảng 02 giờ cùng ngày, Q đi bộ thấy cửa hàng rào nhà ông Lê Văn M đang mở, Q đi thẳng vào nhà, nhìn vào trong nhà thấy trên xe mô tô biển số 67N1-421.40 của ông M dựng ở gian nhà trước, còn ghim sẵn chìa khóa, Q đi vào lấy trộm xe rồi chạy ra khỏi nhà về hướng cầu Cái Tàu Thượng. Khi Q chạy xe đến chân cầu Cái Tàu Thượng thì bị anh NLC8 phát hiện, cùng nhóm người bắt giữ Q giải đến trụ sở Công an xã Mỹ An cũ, lợi dụng sơ hở, Q chạy thoát, để lại xe mô tô và 03 chiếc điện thoại đã lấy trộm trước đó.

Khoảng 05 giờ ngày 31/7/2025, Q đi bộ ngang nhà của ông Võ Duy K, thấy cửa rào đang mở, Q đi vào sân nhà, nhìn qua cửa kính nhà của ông K, thấy trên xe mô tô biển số 67L1-445.98 của ông K đang dựng trong nhà, còn ghim sẵn chìa khóa, Q lấy 01 cây xà beng ở trước nhà ông K, cạy cửa nhưng không được, Q tiếp tục lấy cây búa đập bể cửa kính, lòn tay mở cửa, đi vào trong nhà dắt xe mô tô ra dựng ở sân, rồi quay lại vào nhà tìm tài sản khác lấy trộm nhưng chỉ lấy được giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L1-445.98 và tẩu thoát. Đến khoảng 10 giờ ngày 31/7/2025, Q mang xe và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, đem bán cho ông NLQ3 với giá 8.000.000 đồng và tiêu xài hết. Ngày 02/8/2025, Q thấy hành vi của mình vi phạm pháp luật và đã đầu thú tại Công an xã L.

Vật chứng thu giữ: 01 cây búa dài 29cm, cán gỗ màu vàng, đầu búa bằng kim loại; 01 cây xà beng bằng kim loại dài 55cm; 01 xe mô tô biển số 67N1-421.40, hiệu Honda Wave RSX đen-xanh; 01 xe mô tô biển số 67L2-445.98, hiệu Honda Vario 150 trắng-cam-đen; 01 xe mô tô biển số 67L2-377.53, hiệu Honda Future Fi đen-đỏ; 01 điện thoại Samsung A50 màu đen, màn hình bị rạn nứt; 01 điện thoại Samsung A50s màu đen, màn hình bị rạn nứt; 01 điện thoại Samsung A20 màu xanh; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67N1-421.40 do Công an huyện Tri Tôn cấp ngày 08/3/2019; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L2-445.98 do Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 28/7/2020; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67L2-377.53 do Công an huyện Chợ Mới cấp ngày 07/02/2020;

Theo kết luận số 816/KL-HĐĐGTS ngày 24/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thường xuyên cấp tỉnh xác định tổng giá trị tài sản 66.446.667 đồng, trong đó: 01 xe mô tô biển số 67N1-421.40, hiệu Honda Wave RSX đen-xanh, số khung: 3823GY156196, số máy: JA38E0336920, sản xuất năm 2019 trị giá 12.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 67L2-445.98, hiệu Honda Vario 150 trắng-cam-đen (đã sơn lại màu trắng cam), số khung: 4116LK970850, số máy: KF41E1973248, trị giá 30.050.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 67L2-377.53, hiệu Honda Future Fi đen-đỏ, số khung: 7639KY064533, số máy: JC76E1092119, trị giá 22.166.667 đồng; 01 điện thoại Samsung A50 màu đen, màn hình bị rạn nứt, trị giá 513.333 đồng; 01 điện thoại Samsung A50s màu đen, màn hình bị rạn nứt, trị giá 525.000 đồng; 01 điện thoại Samsung A20 màu xanh, trị giá 691.667 đồng.

Cáo trạng số 25/CT-VKSKV11 ngày 26/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang truy tố bị cáo: Trần Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có lời khai nhận tội như cáo trạng đã truy tố; Quá trình điều tra, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng có lời khai như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đã công bố, bị cáo Q có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, nhân thân của bị cáo Q đã bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản, đã được xóa án tích, chưa có tiền án, tiền sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “đầu thú”. Mặt khác, bị cáo Q có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “phạm tội 02 lần trở lên”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Q tù 02 năm 09 tháng tù đến 03 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo Q có hành vi đập bể cửa kính nhà của ông K trước khi lấy trộm chiếc xe mô tô thì thấy tài sản nhỏ, bị cáo Q chưa có tiền án, tiền sự, ông K không yêu cầu và đã sửa chữa cửa kính xong nên không xem xét trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, ông H không biết xe mô tô được bị cáo Q bán cho ông H là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không tranh luận nhưng có lời nói sau cùng: mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo về gia đình lo đi làm chân chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng họ vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Vào buổi tối ngày 27/7/2025 và rạng sáng ngày 31/7/2025, tại khu vực xã L, tỉnh An Giang, bị cáo Trần Văn Q đã bí mật, lén lút chiếm đoạt các tài sản của nhiều bị hại gồm: 03 chiếc xe mô tô, 03 chiếc điện thoại di động, tổng trị giá: 66.446.667 đồng, với mục đích tiêu xài cá nhân. Bị cáo Trần Văn Q đã

phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, trị giá các tài sản bị chiếm đoạt nằm trong khoản “từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” thuộc tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do vậy, cần xử lý thật nghiêm minh với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm

Vụ án có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo đã liều lĩnh trộm cắp nhiều tài sản của nhiều bị hại trong khoảng thời gian ngắn. Trong vụ án này, bị cáo Q muốn thỏa mãn nhu cầu có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng mà không chịu lao động chân chính. Thời điểm phạm tội, bị cáo Q có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội

Bị cáo Q đã 03 lần chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 2.000.000 đồng, thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Mặt khác, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q “thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải”, Ngoài ra, sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo Q đã “đầu thú” và trình bày rõ hành vi vi phạm của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[5] Nhân thân của người phạm tội

Trước khi phạm tội, bị cáo Q đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản, bị xử phạt 06 tháng tù, tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không chịu sửa đổi về những sai phạm đã qua, chí thú lao động hợp pháp nuôi sống bản thân mà còn phạm tội, thể hiện sự xem thường chính sách, pháp luật nhà nước. Tòa án quyết định mức hình phạt tù có thời hạn trên cơ sở có xem xét nhân thân, 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[6] Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo Q không có nghề nghiệp nên Tòa án miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

[7] Bị cáo Q có hành vi đập bể cửa kính nhà của ông K trước khi lấy trộm chiếc xe mô tô, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét trách nhiệm hình

sự về hành vi này. Ngoài ra, ông H không biết xe mô tô được bị cáo Q bán cho ông H là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị hại: ông K, ông M, bà An, ông L và ông Kiệt Anh nhận các tài sản, giấy tờ có liên quan là có căn cứ theo quy định điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Trách nhiệm dân sự: các bị hại: ông K, ông M, bà An, ông L, ông Kiệt Anh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phương, bà Nở, ông H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam 02/8/2025.

2. Căn cứ vào Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

3. Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan điều tra;
- Cơ sở giam giữ;
- Phòng thi hành án dân sự cùng cấp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân